



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn
Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09
Xét tốt nghiệp (K40M)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 180
Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
1	40.0957.K40Q	LƯU TUẤN ANH	111104116		18/07/86	Thái Nguyên		08			180	2.28			TB Khá
2	40.1024.K40R	PHAN CÔNG ANH	111104116		12/11/84	Hải Dương		09			180	2.16			Trung Bình
3	40.0896.K40P	LÊ VĂN BÙI	111104116		15/02/86	Bắc Giang		09			180	2.19			Trung Bình
4	40.0897.K40P	HÀ VĂN CHIẾN	111104116		26/05/84	Hải Dương		09			180	2.16			Trung Bình
5	40.0899.K40P	HOÀNG VŨ CHÍNH	111104116		08/03/85	Nam Định		10			180	2.45			TB Khá
6	40.1025.K40R	MÃN VĂN CÔNG	111104116		06/02/85	Thái Nguyên		09			180	2.14			Trung Bình
7	40.0902.K40P	TRỊNH NGỌC CƯƠNG	111104116		17/09/86	Quảng Ninh		10			180	2.20			TB Khá
8	40.0966.K40Q	NGÔ CAO CƯỜNG	111104116		21/07/85	Thái Bình		09			180	2.61			Khá
9	K39B076	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	111104116		22/07/84	Thái Nguyên		11			180	2.23			TB Khá
10	40.0968.K40Q	HOÀNG CÔNG DŨNG	111104116		10/06/86	Bắc Giang		08			180	2.37			TB Khá
11	40.0972.K40Q	NGUYỄN ĐỨC ĐIỆP	111104116		09/11/86	Bắc Ninh		09			180	2.13			Trung Bình
12	40.0906.K40P	BÙI XUÂN ĐỨC	111104116		04/08/85	Bắc Giang		08			180	2.14			Trung Bình
13	40.0973.K40Q	PHẠM VĂN ĐỨC	111104116		08/04/85	Thái Nguyên		10			180	2.09			Trung Bình
14	40.0908.K40P	NGUYỄN SƠN HÀ	111104116		23/06/86	Phú Thọ		08			180	2.22			TB Khá
15	40.0911.K40P	PHẠM THANH HẢI	111104116		14/08/86	Thái Bình		09			180	2.23			TB Khá
16	40.0914.K40P	ĐỖ DƯƠNG HIỂN	111104116		22/10/86	Thái Bình		09			180	2.56			Khá
17	40.1040.K40R	PHẠM VĂN HIỂN	111104116		18/03/86	Hải Dương		09			180	2.00			Trung Bình
18	40.1041.K40R	LÊ VĂN HIẾU	111104116		29/05/85	Bắc Giang		09			180	2.24			TB Khá
19	40.1042.K40R	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	111104116		05/10/85	Bắc Ninh		09			180	2.37			TB Khá
20	40.1045.K40R	PHẠM VĂN HƯNG	111104116		05/12/84	Hà Nam		09			180	2.24			TB Khá
21	40.1046.K40R	BÙI HỒNG KIÊN	111104116		09/10/85	Hà Nội		09			180	2.18			Trung Bình
22	40.0920.K40P	BÙI XUÂN KIÊN	111104116		02/02/86	Nam Định		09			180	2.47			TB Khá
23	40.0922.K40P	LÊ VĂN KIÊN	111104116		05/03/86	Bắc Ninh		09			180	2.39			TB Khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
24	40.1049.K40R	NGUYỄN ĐỨC	LỢI		19/05/86	Phú Thọ		08			180	2.62			Khá
25	40.1050.K40R	NGUYỄN VĂN	LÙNG		17/03/84	Nam Định		09			180	2.00			Trung Bình
26	40.0927.K40P	TRẦN VĂN	LƯỢNG		25/06/85	Nam Định		09			180	2.25			TB Khá
27	40.0928.K40P	NGUYỄN VĂN	MẠNH		28/08/85	Bắc Giang		08			180	2.48			TB Khá
28	40.1052.K40R	VŨ VĂN	MẠNH		12/10/84	Thái Bình		09			180	2.18			Trung Bình
29	40.0930.K40P	NGUYỄN VĂN	MINH		05/10/84	Bắc Giang		11			180	2.24			TB Khá
30	40.1053.K40R	VŨ VĂN	NAM		10/05/85	Bắc Giang		01			180	2.19			Trung Bình
31	40.0932.K40P	PHẠM QUANG	NINH		03/01/85	Nam Định		09			180	2.14			Trung Bình
32	40.1060.K40R	PHẠM NGỌC	QUANG		26/08/85	Thái Bình		09			180	2.43			TB Khá
33	40.0996.K40Q	MÃN XUÂN	QUYẾN		20/09/85	Thái Nguyên		09			180	2.41			TB Khá
34	40.1062.K40R	VŨ VĂN	QUỲNH		02/10/86	Nam Định		09			180	2.59			Khá
35	40.1000.K40Q	HOÀNG ANH	SƠN		18/11/86	Quảng Ninh		10			180	2.23			TB Khá
36	40.0935.K40P	TRỊNH VĂN	THANH		28/07/86	Thanh Hoá		06			180	2.65			Khá
37	40.1008.K40Q	BÙI ĐỨC	THỊNH		22/04/85	Thái Nguyên		10			180	2.22			TB Khá
38	40.0938.K40P	CHU VĂN	THU		12/06/84	Bắc Giang		08			180	2.19			Trung Bình
39	40.0939.K40P	NGUYỄN VĂN	THÙY		27/04/82	Bắc Giang		05			180	2.02			Trung Bình
40	40.0942.K40P	NGUYỄN VĂN	TOẠI		25/08/86	Nam Định		09			180	2.06			Trung Bình
41	40.1012.K40Q	TRẦN CAO	TOÁN		26/12/86	Hải Dương		06			180	2.46			TB Khá
42	40.0943.K40P	ĐÀM VĂN	TÓI		10/05/85	Ninh Bình		08			180	2.86			Khá
43	40.1014.K40Q	MAI NGỌC	TRUNG		24/02/86	Nam Định		06			180	2.14			Trung Bình
44	40.0886.K40N	NGUYỄN NGỌC	TÚ		02/02/86	Bắc Giang		08			180	2.32			TB Khá
45	40.0945.K40P	PHẠM THANH	TUẤN		30/06/84	Thanh Hoá		09			180	2.14			Trung Bình
46	40.1016.K40Q	TRẦN TRỌNG	TUYỀN		27/10/83	Thái Nguyên		11			180	2.16			Trung Bình
47	40.0946.K40P	LÊ VĂN	TUYẾN		09/10/86	Hải Dương		09			180	2.12			Trung Bình
48	40.0949.K40P	VŨ CÔNG	VIỄN		18/05/86	Hưng Yên		09			180	2.28			TB Khá
49	40.0951.K40P	PHẠM VĂN	VIỆT		24/04/86	Ninh Bình		09			180	2.45			TB Khá
50	40.0952.K40P	ĐẶNG THẾ	VINH		21/06/85	Thái Nguyên		10			180	2.39			TB Khá
51	40.1022.K40Q	TRẦN VĂN	VƯỢNG		06/07/86	Bắc Giang		01			180	2.13			Trung Bình

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
52	40.0890.K40N	NGUYỄN XUÂN VỸ	111104116		17/04/84	Thái Nguyên		09			180	2.31			TB Khá

NGƯỜI LẬP

Ngày 21 tháng 06 năm 2009

PHÒNG ĐÀO TẠO